

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Số: /PJICO/TTR-HĐQT

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025**  
**và một số chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh năm 2026**

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Căn cứ Quy chế tài chính của Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex do Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 15/2012/QĐ-HĐQT ngày 08/04/2022.
- Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các nội dung sau:

**1- Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:****1.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện (theo báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC cho kỳ kế toán kết thúc 31/12/2025):**

- Tổng lợi nhuận trước thuế :	306,122,022,533	đồng
- Thuế TNDN:	60,573,432,402	đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế :	245,548,590,131	đồng

**1.2 Trình ĐHCĐ phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:**

- Tổng lợi nhuận sau thuế:	245,548,590,131	đồng
- Chi trả cổ tức 12%:	133,076,155,200	đồng
- Trích quỹ dự trữ bắt buộc 5% LNST (đã trích đạt 10% vốn điều lệ):	-	đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển 15% LNST:	36,832,288,520	đồng
- Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân):	33,169,897,255	đồng
- Trích quỹ phúc lợi cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân):	33,169,897,255	đồng
- Trích quỹ khen thưởng thuộc HĐQT để khen thưởng cho các Đơn vị thành viên và các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:	5,000,000,000	đồng
- Trích quỹ khen thưởng khách hàng, cá nhân và tổ chức hợp tác, hỗ trợ và đóng góp cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là 1% Lợi nhuận sau thuế. Giao Tổng giám đốc căn cứ tình hình thực tế sử dụng quỹ khen thưởng nhằm đạt hiệu quả cao nhất.	2,455,485,901	đồng
- Trích quỹ khen thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận cho người quản lý (HĐQT, Ban điều hành, kế toán trưởng) tham gia quản lý điều hành TCT trong năm 2025 - 2 tháng lương, thưởng, thù lao/người theo Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý được tính theo thời gian thực tế tham gia quản lý điều hành năm 2025 - theo Phụ lục 01 đính kèm.	1,844,866,000	đồng
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối:	-	đồng

**2- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu sau:**

Căn cứ vào doanh thu thực hiện năm 2025 của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2026, với các chỉ tiêu chính như sau:

**2.1. Doanh thu:**

- **Doanh thu bảo hiểm phí bảo hiểm: 5.238 tỷ đồng tăng trưởng 8% so với năm 2025, phân đấu tăng trưởng 10% so với năm 2025** (doanh thu bảo hiểm gốc là 4.989 tỷ đồng, doanh thu nhận tái bảo hiểm là 249 tỷ đồng).

- Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính: 255 tỷ đồng;

- Doanh thu hoạt động khác (cho thuê nhà, văn phòng): 20 tỷ đồng;

2.2 Lợi nhuận trước thuế: 324,5 tỷ đồng; tăng trưởng 6% so với năm 2025, phần đầu tăng trưởng 8% so với năm 2025;

2.3. Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12% vốn điều lệ.

Thuyết minh kế hoạch kinh doanh năm 2026 - theo Phụ lục 02;03 đính kèm.

Kính trình! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM  
PETROLIMEX  
  
Phạm Thanh Hải

P: 6  
ÔNG  
CỔ  
BẢ  
PET  
T M LI

**PHỤ LỤC 1: BẢNG KÊ TÍNH QUỸ KHEN THƯỞNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CHO NGƯỜI QUẢN LÝ (HDQT, BAN ĐIỀU HÀNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG) TỔNG CÔNG TY NĂM 2025**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MỨC LƯƠNG, THÙ LAO	THỜI GIAN ĐẢM NHẬN CHỨC VỤ TRONG NĂM 2025	SỐ THÁNG ĐƯỢC THƯỞNG	SỐ TIỀN THƯỞNG THEO THỜI GIAN ĐẢM NHẬN CHỨC VỤ	LƯU Ý (về khoảng thời gian thực tế đảm nhận chức vụ trong năm 2025)
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRI</b>		<b>573.700.000</b>	<b>76</b>	<b>16</b>	<b>916.833.000</b>	
1	Phạm Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	110,600,000	12.0	2	221,200,000	
2	Trương Diệu Linh	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	70,500,000	12.0	2	141,000,000	
3	Lê Thị Lan Anh	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	62,900,000	12.0	2	125,800,000	
4	Trần Thị Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	62,900,000	12.0	2	125,800,000	
5	Hà Kim Anh	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	62,900,000	12.0	2	125,800,000	
6	Choi Sung Jin	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	62,900,000	8.5	2	89,108,000	Từ 18/4-31/12/2025
7	Lee Jea Hoon	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	70,500,000	3.5	2	41,125,000	Từ 1/1-18/4/2025
8	Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	70,500,000	4.0	2	47,000,000	Từ 1/1-6/5/2025
<b>II</b>	<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		<b>729.200.000</b>	<b>66</b>	<b>20</b>	<b>802.233.000</b>	
1	Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	94,000,000	8.0	2	125,333,000	Từ 6/5 - 31/12/2025
2	Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	4.0	2	47,000,000	Từ 1/1-6/5/2025
3	Bùi Văn Thảo	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2	141,000,000	
4	Đặng Thị Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc	62,900,000	5.5	2	57,658,000	Từ 16/7 - 31/12/2025
5	Nguyễn Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	62,900,000	5.5	2	57,658,000	Từ 16/7 - 31/12/2025
6	Vương Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	62,900,000	5.0	2	52,417,000	Từ 01/8 - 31/12/2025
7	Nguyễn Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc	94,000,000	4.0	2	62,667,000	Từ 1/1-6/5/2025
8	Bùi Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	7.0	2	82,250,000	Từ 1/1-01/8/2025
9	Lê Thanh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	11.0	2	129,250,000	Từ 1/1-01/12/2025
10	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	4.0	2	47,000,000	Từ 1/1-6/5/2025
<b>III</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>62.900.000</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>125.800.000</b>	
1	Phạm Thu Hiền	Kế toán trưởng	62,900,000	12.0	2	125,800,000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.365.800.000</b>	<b>154</b>	<b>38</b>	<b>1.844.866.000</b>	

-  
 CỘNG  
 PH  
 HƯ  
 QU  
 -

## PHỤ LỤC 02: SỐ LIỆU KẾ HOẠCH DOANH THU BẢO HIỂM GỐC 2026

DVT: triệu đồng

MNV	Tên nghiệp vụ	Doanh thu thực hiện năm 2025	Kế hoạch 2026	% Tăng trưởng
01	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	411,109	450,000	9%
02	Bảo hiểm thân tàu biển	88,684	94,000	6%
03	Bảo hiểm P&I tàu biển	244,335	259,000	6%
04	Bảo hiểm tàu thủy nội địa	14,256	15,000	5%
05	Bảo hiểm tàu cá	780	1,000	28%
06	Bảo hiểm xe ô tô	1,473,590	1,590,000	8%
07	Bảo hiểm mô tô, xe máy	98,375	98,000	0%
08	Bảo hiểm học sinh, giáo viên	89,883	90,000	0%
09	Con người khác	727,083	800,000	10%
10	Bảo hiểm cháy nổ, mọi rủi ro tài sản	1,010,735	1,092,000	8%
11	Bảo hiểm kỹ thuật	214,514	232,000	8%
12	Bảo hiểm hỗn hợp	202,198	218,000	8%
13	Bảo hiểm hàng không, năng lượng, khác	43,350	50,000	15%
67	Bảo hiểm khai thác hải sản theo NĐ 67 (nếu có)			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4,618,892</b>	<b>4,989,000</b>	<b>8.0%</b>

T. TY  
N. M.  
EX  
P. H.

**PHỤ LỤC 03 - SỐ LIỆU KẾ HOẠCH KẾT QUẢ KINH DOANH 2026**

Chỉ tiêu	Tổng	Gốc	Nhận tái BH	Đầu tư, khác
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)</b>	<b>5,051,476</b>	<b>4,809,992</b>	<b>241,484</b>	
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	4,989,000	4,989,000		
- Phí nhận tái bảo hiểm	249,000	-	249,000	
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	186,524	179,008	7,516	
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)</b>	<b>1,781,479</b>	<b>1,753,731</b>	<b>27,794</b>	
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1,852,747	1,823,889	28,858	
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	71,268	70,158	1,064	
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01-02)</b>	<b>3,269,997</b>	<b>3,056,261</b>	<b>213,690</b>	
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>521,392</b>	<b>508,248</b>	<b>13,144</b>	
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	359,138	356,726	2,413	
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	162,253	151,522	10,731	
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)</b>	<b>3,791,389</b>	<b>3,564,509</b>	<b>226,834</b>	
<b>6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)</b>	<b>2,041,278</b>	<b>1,891,353</b>	<b>149,925</b>	
Trong đó:				
-Tổng chi bồi thường	2,041,278	1,891,353	149,925	
-Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)				
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>543,906</b>	<b>518,452</b>	<b>25,454</b>	
<b>8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>156,092</b>	<b>148,164</b>	<b>7,928</b>	
<b>9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>120,849</b>	<b>114,711</b>	<b>(561)</b>	
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>1,532,615</b>	<b>1,406,354</b>	<b>132,959</b>	
<b>11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>1,319,193</b>	<b>1,227,318</b>	<b>91,875</b>	
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	293,438	231,903	61,535	
- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm và chi phí khác	1,025,755	995,415	30,340	
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>2,851,808</b>	<b>2,633,672</b>	<b>224,834</b>	<b>-</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 - 18)</b>	<b>939,581</b>	<b>930,837</b>	<b>2,000</b>	<b>-</b>
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-			-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	-			-
<b>17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22= 20 -21)</b>	<b>-</b>			<b>-</b>
18. Doanh thu hoạt động tài chính	92,747			92,747
19. Chi phí hoạt động tài chính	22,723			22,723
<b>20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)</b>	<b>70,024</b>			<b>70,024</b>
<b>21. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>701,616</b>	<b>701,616</b>	<b>-</b>	
<b>22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 22 + 25 - 26)</b>	<b>307,989</b>	<b>229,221</b>	<b>2,000</b>	<b>70,024</b>
23. Thu nhập khác	20,000			20,000
24. Chi phí khác	3,477			3,477
<b>25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>16,523</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16,523</b>
<b>26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)</b>	<b>324,512</b>	<b>229,221</b>	<b>2,000</b>	<b>86,547</b>

